

# LUẬN A TỶ ĐẠT MA ĐẠI TỶ BÀ SA

## QUYỂN 179

### LUẬN VỀ BẤT HOÀN (Phần 6)

Hỏi: Nguyên trí là gia hạnh đạt được, hay là lìa nhiễm đạt được?

Đáp: Có lúc là gia hạnh đạt được, có lúc là lìa nhiễm đạt được.

Trong này, có người nói: Đức Phật lìa nhiễm đạt được, bởi vì đạt được lúc Tận trí hiện khởi; Thanh văn-Độc giác do gia hạnh mà đạt được, bởi vì gia hạnh cho nên hiện rõ ở trước mắt.

Có người nói: Đức Phật và Độc giác đều lìa nhiễm đạt được, bởi vì đạt được lúc Tận trí hiện khởi; Thanh văn do gia hạnh mà đạt được, bởi vì gia hạnh cho nên hiện rõ ở trước mắt.

Có người nói: Đức Phật-Độc giác và Thanh văn đến cứu cánh đều lìa nhiễm đạt được, bởi vì đạt được lúc Tận trí hiện khởi; Thanh văn khác do gia hạnh mà đạt được, bởi vì gia hạnh mà hiện rõ ở trước mắt.

Nói như vậy là nếu quyết định có thể đạt được thì đó là lìa nhiễm đạt được, bởi vì đạt được lúc Tận trí hiện khởi, sau khi thực hiện gia hạnh mới hiện rõ ở trước mắt. Đức Phật không do gia hạnh, Độc giác do gia hạnh bậc Hạ, Thanh văn do gia hạnh bậc Trung hoặc là bậc Thượng.

Nhưng có lúc Nguyên trí do gia hạnh của Định Biên tế mà đạt được, bởi vì gia hạnh mà hiện rõ ở trước mắt.

Hỏi: Nguyên trí này gia hạnh như thế nào?

Đáp: Dùng tất cả các địa và Định Biên tế làm gia hạnh, đó là lúc người tu hành sắp khởi lên Nguyên trí này, trước hết khởi lên tâm thiện của cõi Dục, tiếp theo từ đây không gián đoạn tiến vào Tĩnh lự thứ nhất, tiếp theo tiến vào Tĩnh lự thứ hai, lần lượt cho đến tiến vào Phi tưởng phi phi tưởng xứ; từ Phi tưởng phi phi tưởng xứ rời ra lại tiến vào Vô sở hữu xứ, lần lượt cho đến tiến vào Tĩnh lự thứ nhất; từ Tĩnh lự thứ nhất rời ra lại tiến vào Tĩnh lự thứ hai, lần lượt cho đến tiến vào Tĩnh lự thứ

tư. Lúc ấy đối với tất cả Đẳng chí của địa trên-địa dưới như vậy, xoay vòng tiến vào-rời ra đã khiến cho hết sức điều thuận với Tĩnh lự thứ tư. Lại đối với Tĩnh lự thứ tư, từ phẩm Hạ tiến vào phẩm Trung, từ phẩm Trung tiến vào phẩm Thượng, như vậy phẩm Thượng gọi là giới hạn của Tĩnh lự thứ tư, từ đây lần lượt dẫn dắt khởi lên Nguyện trí.

Vì thế cho nên Tôn giả Thế Hữu đưa ra cách nói như vậy: “Các A-la-hán bởi vì lợi ích cho người khác, cho nên đối với địa trên-địa dưới, xoay vòng tiến vào-rời ra khiến cho mềm mại thuận theo Tĩnh lự thứ tư, nếu lúc gia hạnh thông suốt không có ngừng trệ, thì lúc bấy giờ gọi là gia hạnh thành tựu đầy đủ, từ đây có thể dẫn dắt Nguyện trí hiện rõ trước mắt.”

Đại đức nói rằng: “Ở trong pháp không ngừng diệt đi-không ngừng khởi lên và cùng lúc sinh khởi, nhận biết rõ ràng phương tiện, nếu lúc gia hạnh thông suốt không có ngừng trệ, thì lúc bấy giờ gọi là gia hạnh thành tựu đầy đủ, từ đây dẫn dắt khởi lên Nguyện trí hiện rõ trước mắt.”

Hỏi: Túc trú tùy niệm trí và Nguyện trí duyên với quá khứ có gì sai biệt?

Đáp: Tên gọi tức là sai biệt, đó là loại này tên gọi Túc trú tùy niệm trí, loại này tên gọi Nguyện trí duyên với quá khứ.

Lại nữa, Túc trú tùy niệm trí nhận biết về năm uẩn hữu lậu của thời gian trước, Nguyện trí này nhận biết về các uẩn hữu lậu-vô lậu.

Lại nữa, Túc trú tùy niệm trí nhận biết về năm uẩn của thời gian trước ở cõi Dục-Sắc, Nguyện trí này nhận biết về các uẩn của ba cõi và không hệ thuộc.

Lại nữa, Túc trú tùy niệm trí nhận biết về cộng tướng của các uẩn, Nguyện trí này nhận biết về tự tướng và cộng tướng của các uẩn,

Lại nữa, Túc trú tùy niệm trí thì pháp này là có-pháp bên ngoài cũng là có, Nguyện trí này chỉ riêng pháp này là có.

Lại nữa, Túc trú tùy niệm trí thì dị sinh có-Thánh giả cũng có, Nguyện trí này chỉ riêng Thánh giả mới có.

Lại nữa, Túc trú tùy niệm trí thì Học-Vô học và Phi học phi vô học đều có, Nguyện trí này chỉ riêng Vô học mới có.

Lại nữa, Túc trú tùy niệm trí thì trong sự nối tiếp nhau của Thời giải thoát-Bất thời giải thoát đều có, Nguyện trí này chỉ có trong sự nối tiếp nhau của Bất thời giải thoát.

Lại nữa, Túc trú tùy niệm trí dựa vào bốn Tĩnh lự Căn bản, Nguyện trí này chỉ dựa vào Tĩnh lự Căn bản thứ tư.

Lại nữa, Túc trú tùy niệm trí bao gồm đã từng đạt được-chưa từng đạt được, đã từng luyện tập-chưa từng luyện tập, giống nhau-không giống nhau; Nguyện trí này chỉ riêng chưa từng đạt được-chưa từng luyện tập-không giống nhau.

Lại nữa, Túc trú tùy niệm trí lúc bắt đầu dẫn dắt phát khởi, chỉ có thể từng đời từng đời một lần lượt tùy theo niệm, sau lúc thành tựu đầy đủ thì hoặc là từng đời từng đời một lần lượt, hoặc là vượt qua trăm đời-ngàn đời..., tùy theo ý muốn ấy đều có thể tùy theo niệm; Nguyện trí này lúc bắt đầu dẫn dắt phát khởi và lúc thành tựu đầy đủ, hoặc là lần lượt-hoặc là vượt lên trên, như ý nguyện ấy đều nhận biết như thật.

Lại nữa, Nguyện trí này chỉ đối với cảnh đã nhận biết của Túc trú tùy niệm trí mà chuyển, tức là có sáu sự việc thù thắng:

1. Mạnh mẽ thù thắng.
2. Tăng thượng thù thắng.
3. Vi diệu thù thắng.
4. Thanh tịnh thù thắng.
5. Sáng tỏ thù thắng.
6. Nhanh chóng thù thắng.

Huống là nhiều sự việc khác nữa hay sao? Đó gọi là sự sai biệt của Túc trú tùy niệm trí và Nguyện trí duyên với quá khứ.

Hỏi: Tha tâm trí và Nguyện trí duyên với hiện tại có gì sai biệt?

Đáp: Tên gọi tức là sai biệt, đó là loại này tên gọi Tha tâm trí, loại này tên gọi Nguyện trí duyên với hiện tại.

Lại nữa, Tha tâm trí duyên với một vật làm cảnh, Nguyện trí này duyên với một vật hoặc là nhiều vật làm cảnh.

Lại nữa, Tha tâm trí duyên với cảnh thuộc tự tướng, Nguyện trí này duyên với cảnh thuộc tự tướng và cộng tướng.

Lại nữa, Tha tâm trí duyên với sự nối tiếp nhau của người khác, Nguyện trí này duyên với sự nối tiếp nhau của mình và người khác.

Lại nữa, Tha tâm trí duyên với tâm-tâm sở pháp, Nguyện trí này duyên với năm uẩn.

Lại nữa, Tha tâm trí dựa vào bốn Tĩnh lự Căn bản, Nguyện trí này chỉ dựa vào Tĩnh lự Căn bản thứ tư.

Lại nữa, Tha tâm trí thì pháp này là có-pháp bên ngoài cũng là có, Nguyện trí này chỉ riêng pháp này là có.

Lại nữa, Tha tâm trí thì dị sinh có-Thánh giả cũng có, Nguyện trí này chỉ Thánh giả mới có.

Lại nữa, Tha tâm trí thì Học-Vô học và Phi học phi vô học đều có,

Nguyện trí này chỉ riêng Vô học mới có.

Lại nữa, Tha tâm trí thì trong sự nối tiếp nhau của Thời giải thoát-Bất thời giải thoát đều có, Nguyện trí này chỉ có trong sự nối tiếp nhau của Bất thời giải thoát.

Lại nữa, Tha tâm trí bao gồm đã từng đạt được-chưa từng đạt được, đã từng luyện tập-chưa từng luyện tập, giống nhau-không giống nhau; Nguyện trí này chỉ riêng chưa từng đạt được-chưa từng luyện tập-không giống nhau.

Lại nữa, Tha tâm trí bao gồm hữu lậu-vô lậu, Nguyện trí này chỉ riêng hữu lậu.

Lại nữa, Tha tâm trí duyên với pháp hệ thuộc cõi Dục-Sắc và pháp không hệ thuộc làm cảnh, Nguyện trí này duyên với pháp hệ thuộc ba cõi và pháp không hệ thuộc làm cảnh.

Lại nữa, Nguyện trí này chỉ đối với cảnh đã nhận biết của Tha tâm trí mà chuyển, tức là có sáu sự việc thù thắng, đó là mạnh mẽ thù thắng..., nói như trước. Huống là nhiều sự việc khác nữa hay sao?

Đó gọi là sự sai biệt của Tha tâm trí và Nguyện trí duyên với hiện tại.

Hỏi: Vì sao Nguyện trí có thể nhận biết vị lai?

Đáp: Có người nói: Dùng quá khứ-hiện tại để so sánh mà nhận biết vị lai, ví như người làm ruộng gieo hạt giống rồi, so sánh mà nhận biết nhất định có kết quả sinh ra như vậy, trí ấy cũng như vậy.

Có người nói: Nếu như vậy thì Nguyện trí phải là trí Tỷ lượng, không phải là trí Hiện lượng. Nên đưa ra cách nói này: Nguyện trí này không cần phải quán xét nhân mà có thể nhận biết quả, không cần phải quán xét quả mà có thể nhận biết nhân, vì thế cho nên trí này là trí Hiện lượng chứ không phải là trí Tỷ lượng.

Hỏi: Vì sao Nguyện trí nhận biết về cõi Vô sắc?

Đáp: Có người nói: Bởi vì quán xét sự sai biệt của Đẳng lưu và hiện hành, như nhìn người đi trên đường mà biết là từ nơi nào đến.

Có người nói: Nếu như vậy thì Nguyện trí phải là trí Tỷ lượng, không phải là trí Hiện lượng. Nên đưa ra cách nói này: Nguyện trí này không quán xét nhân mà nhận biết quả, không quán xét quả mà nhận biết nhân, bởi vì trí này là trí Hiện lượng chứ không phải là trí Tỷ lượng.

Nhưng Thanh văn-Độc giác bởi vì có lỗi lầm do tập khí còn sót lại, cho nên đối với cảnh của nguyện phải gia hạnh thì mới nhận biết; Như Lai vĩnh viễn không còn lỗi lầm của tập khí còn sót lại, cho nên đối

với nguyện thì khởi tâm liền nhận biết.

Hỏi: Nguyện trí của Đức Thế Tôn vì sao có thể nhận biết tâm tướng sai biệt của tất cả hữu tình?

Đáp: Có người nói: Điều này không cần phải hỏi. Nguyên cố thế nào? Bởi vì đây là cảnh giới không thể nghĩ bàn của chư Phật.

Có người nói: Trước đây đã phân biệt so sánh mà bây giờ có thể nhận biết.

Có người nói: Bởi vì giữ lấy một phần của Thức đã nhận biết về tâm tướng sai biệt của hữu tình, tương tự mà nhận biết những hữu tình khác. Như lúc thế giới hoại đi, phần nhiều hữu tình sinh đến cõi trời Cực Quang Tịnh, ở cõi ấy lần lượt xoay vòng hỏi han về sự việc của đời trước, sau đó dùng Túc trí tùy niệm trí mà nhận biết; Đức Phật cũng như vậy.

Có người nói: Đức Phật dễ dàng thông hiểu đối với duyên khởi, cho nên nhận biết.

Có người nói: Đức Phật tự tại đối với Nguyện trí, cho nên nhận biết.

Có người nói: Đức Phật dễ dàng thông hiểu đối với nghiệp của mình, cho nên nhận biết.

Có người nói: Đức Phật dễ dàng thông hiểu đối với Đăng lưu, cho nên nhận biết.

Có người nói: Đức Phật dễ dàng thông hiểu đối với hiện hành sai biệt, cho nên nhận biết.

Tôn giả nói rằng: “Đức Phật đối với tâm giới của hữu tình, muốn biết liền biết chứ không nhờ vào gia hạnh, cho nên không cần phải vặn hỏi, bởi vì lúc bắt đầu đạt được quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề, thì chủng loại của trí này đều đã đạt được.”

Hỏi: Vì sao phát khởi Nguyện trí như vậy?

Đáp: Bởi vì làm lợi ích cho người khác. Nghĩa là trước khi khởi lên Nguyện trí, phải quán xét ý thích sai biệt của các hữu tình, sau đó tùy theo thích hợp để làm sự việc lợi ích; ví như thầy thuốc giỏi, trước phải quan sát về tướng trạng sai biệt của người bệnh, rồi sau đó mới trao cho thuốc uống.

Hỏi: Nguyện trí nên nói là thiện, hay là vô ký? Đáp: Hoặc là thiện, hoặc là vô ký.

Trong này, có người nói: Nguyện trí chỉ là một, đó là thuộc về Tĩnh lự thứ tư, chỉ là thiện.

Có người nói: Nguyện trí có hai, đó là thuộc về Tĩnh lự thứ tư và

cõi Dục, đều chỉ là thiện.

Có người nói: Nguyện trí có ba, đó là thiện của Tịnh lự thứ tư, thiện-vô ký của cõi Dục.

Có người nói: Nguyện trí có năm, đó là bốn Tịnh lự và cõi Dục, đều chỉ là thiện.

Có người nói: Nguyện trí có sáu, đó là thiện của bốn Tịnh lự, thiện-vô ký của cõi Dục.

Có người nói: Nguyện trí có bảy, đó là ba tịnh lự trên chỉ là thiện, Tịnh lự thứ nhất và cõi Dục đều là thiện-vô ký.

Có người nói: Nguyện trí có mười, đó là bốn Tịnh lự và cõi Dục, đều có thiện-vô ký.

Nói như vậy thì nên biết như trước nói có sáu là thích hợp.

Hỏi: Nguyện trí chỉ thuộc về Tịnh lự thứ tư, lại chỉ là thiện, vì sao lại nói là thiện của bốn Tịnh lự, thiện-vô ký của cõi Dục?

Đáp: Nguyện trí thật ra chỉ thuộc về Tịnh lự thứ tư và chỉ là thiện, nhưng trong này dựa vào ý sâu kín mà nói, bởi vì Nguyện trí và sau Nguyện trí cùng chung duyên khởi mà nói là trí, cho nên đều gọi là Nguyện trí.

Sự việc ấy như thế nào? Đó là Sư Du-già trước tiên dựa vào Tịnh lự thứ tư phát khởi Nguyện trí mà nhận biết về pháp đã nhận biết, vẫn duyên với pháp này tiến vào Tịnh lự thứ ba, lần lượt cho đến vẫn duyên vào pháp này, khởi lên tâm thiện của cõi Dục; từ đây không gián đoạn vẫn duyên vào pháp này, khởi lên tâm thiện hoặc là tâm vô ký của cõi Dục, mà nói về pháp đã nhận biết.

Trong này, hoặc là Căn bản, hoặc là đấy khởi sau, đều nói tên gọi là Nguyện trí, vì thế cho nên nói hoặc là thiện, hoặc là vô ký.

Thế nào là hạnh Vô tranh? Cho đến nói rộng ra.

Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Bởi vì muốn phân biệt nghĩa lý trong kinh. Như trong kinh nói: “Trong đệ tử của Ta, Tỳ kheo Thiện Hiện là bậc nhất trú trong hạnh Vô tranh.” Trong kinh tuy nói ra điều này mà không phân biệt rộng ra, thế nào là hạnh Vô tranh, Vô tranh gọi cho pháp nào? Kinh ấy là nơi nương tựa căn bản của luận này, điều gì trong kinh không giải thích, thì nay cần phải giải thích, cho nên soạn ra phần luận này.

Hỏi: Thế nào là hạnh Vô tranh?

Đáp: Tất cả A-la-hán khéo thông hiểu về thời gian bên trong, nhưng bên ngoài thì không như vậy. Nếu cũng khéo thông hiểu về thời gian bên ngoài thì gọi là hạnh Vô tranh.

Thế nào là thời gian bên trong (nội thời)? Đó là phiền não vốn có trong sự nối tiếp nhau của mình. Thế nào là thời gian bên ngoài (ngoại thời)? Đó là phiền não vốn có trong sự nối tiếp nhau của người khác. Ngăn chặn phiền não này thì gọi là khéo thông hiểu.

Tất cả A-la-hán đối với phiền não vốn có trong sự nối tiếp nhau của mình, đều đã ngăn chặn và đoạn bỏ; đối với phiền não vốn có trong sự nối tiếp nhau của người khác, thì không quyết định. Nếu cũng có thể ngăn chặn thì gọi là hạnh Vô tranh.

Có người nói: Thời gọi là ba thời, tức là thời gian đầu ngày-thời gian giữa ngày-thời gian cuối ngày, ở trong ba thời gian này chế ngự các phiền não, gọi là khéo thông hiểu. Tất cả A-la-hán đối với phiền não thuộc ba thời gian trong sự nối tiếp nhau của mình, đều đã chế ngự và đoạn bỏ; đối với phiền não thuộc ba thời gian trong sự nối tiếp nhau của người khác, thì không quyết định. Nếu cũng có thể chế ngự thì gọi là hạnh Vô tranh.

Có người nói: Thời gọi là sáu thời, tức là ngày và đêm đều có ba thời gian đầu-giữa-cuối, ở trong sáu thời gian này chế ngự các phiền não, gọi là khéo thông hiểu. Tất cả A-la-hán đối với phiền não thuộc sáu thời gian trong sự nối tiếp nhau của mình, đều đã chế ngự và đoạn bỏ; đối với phiền não thuộc sáu thời gian trong sự nối tiếp nhau của người khác, thì không quyết định. Nếu cũng có thể chế ngự thì gọi là hạnh Vô tranh.

Tôn giả Diệu Âm nói rằng: “Không phải là nói không có phiền não tranh chấp trong sự nối tiếp nhau của mình, cho nên gọi là hạnh Vô tranh; chỉ bởi vì có thể ngăn chặn phiền não tranh chấp trong sự nối tiếp nhau của người khác, cho nên gọi là hạnh Vô tranh. Nguyên cớ thế nào? Bởi vì tranh chấp là đối với người khác mà nói, chứ không phải là đối với chính mình.”

Hỏi: Vì sao ngăn chặn và chế ngự phiền não, gọi là khéo thông hiểu?

Đáp: Cần phải nhờ vào phương tiện Giác Tuệ hiện rõ trước mắt, thì mới có thể ngăn chặn và chế ngự phiền não của mình-của người, cho nên gọi là khéo thông hiểu.

Hỏi: Vô tranh gọi cho pháp nào?

Đáp: Khiến cho sự nối tiếp nhau của người khác không có tạp ược mà chuyển, nghĩa là các phiền não luôn luôn làm thắm ướt-giây bẩn-tạp ược. Người đạt được Vô tranh thì không làm cho phiền não trong sự nối tiếp nhau của người khác bị thắm ướt-giây bẩn-tạp ược; tức là nghĩa



về sự xa lìa các phiền não trong sự nối tiếp nhau của người khác.

Có người nói: Văn này nên nói đối với sự nối tiếp nhau của người khác không có gì sót lại mà chuyển, nghĩa là người đạt được Vô tranh, như đối với phiền não trong sự nối tiếp nhau của mình đã vĩnh viễn đoạn trừ không có gì sót lại, như vậy đối với phiền não trong sự nối tiếp nhau của người khác cũng có thể ngăn chặn và chế ngự khiến cho không có gì sót lại; tức là nghĩa về ngăn chặn tất cả các phiền não trong sự nối tiếp nhau của người khác sẽ làm cho họ khởi lên.

Có người nói: Văn này nên nói đối với sự nối tiếp nhau của người khác không có gì sai biệt mà chuyển, nghĩa là người đạt được Vô tranh, như có thể ngăn chặn phiền não trong sự nối tiếp nhau của người thân khiến cho họ không sinh khởi, như vậy cũng có thể ngăn chặn phiền não trong sự nối tiếp nhau của kẻ oán-người bình thường, khiến cho họ không sinh khởi; tức là nghĩa về bình đẳng ngăn chặn và chế ngự các phiền não trong sự nối tiếp nhau của người khác.

Hỏi: Khéo thông hiểu thời gian bên ngoài và không có tạp uế mà chuyển, có gì sai biệt? Đáp: Khéo thông hiểu thời gian bên ngoài, đó là Tuệ; không có tạp uế mà chuyển, đó là phiền não không sinh khởi.

Lại nữa, A-la-hán ấy thực hành năm loại pháp, khiến cho phiền não trong sự nối tiếp nhau của người khác không khởi lên. Những gì là năm pháp? Đó là:

1. Oai nghi lộ trong sáng.
2. Nói năng và im lặng hợp thời.
3. Khéo lường tính đi hay ở.
4. Phân biệt nên nhận hay không nên nhận.
5. Quán sát Bồ-đặc-già-la.

Oai nghi lộ trong sáng, nghĩa là A-la-hán ấy trước đó ngồi ở một nơi, nếu người khác đến thì quán xét tâm ý của họ, dùng oai nghi nào để họ không dấy khởi phiền não? Nếu biết là do oai nghi này mà họ sinh ra phiền não, thì liền rời bỏ oai nghi này trú vào oai nghi khác. Nếu không dấy khởi phiền não thì như trước đây trú trong oai nghi ban đầu, trú trong oai nghi khác cũng như vậy.

Nói năng và im lặng hợp thời, nghĩa là A-la-hán ấy lúc thấy người khác đến thì quán xét tâm ý của họ, là nên trò chuyện với nhau, hay là nên im lặng? Quán xét rồi nếu thấy trò chuyện mà dấy khởi phiền não cho họ, thì tuy rất muốn nói nhưng vẫn im lặng. Nếu thấy bởi vì im lặng mà họ dấy khởi phiền não, thì tuy không muốn nói mà vẫn nói chuyện với họ. Nếu đi trên đường thấy có hai người đi đến, thì quán xét người



nào thích hợp để có thể nói chuyện trước? Quán xét rồi nếu thấy lúc trò chuyện với người này mà người kia dấy khởi phiền não, thì nói chuyện với người kia; đối với người kia cũng như vậy. Nếu cùng trò chuyện với cả hai mà dấy khởi phiền não, thì liền im lặng; im lặng với cả hai cũng như vậy. Nếu nói chuyện hay là im lặng đều dấy khởi phiền não, thì tránh đường cho họ, để không dấy khởi phiền não.

Khéo lường tính đi hay ở, nghĩa là A-la-hán ấy tùy theo nơi cư trú thì liền quán sát, mình nên ở lại hay là nên đi? Nếu thấy lúc ở lại mà dấy khởi phiền não cho người khác, thì nơi cư trú tuy yên ổn, đồ vật sinh hoạt đầy đủ dồi dào, tùy thuận với phẩm thiện mà vẫn ra đi. Nếu thấy bởi vì ra đi mà dấy khởi phiền não cho người khác, thì nơi cư trú tuy không yên ổn, đồ vật sinh hoạt không đầy đủ, không tùy thuận với phẩm thiện mà vẫn chịu khó ở lại.

Phân biệt nên nhận hay không nên nhận, nghĩa là A-la-hán ấy nếu có Thí chủ đem đồ vật sinh hoạt đến giúp đỡ, thì quán xét tâm ý của họ là nhận hay không nên nhận? Quán xét rồi nếu thấy nhận mà dấy khởi phiền não cho họ, thì tuy là đồ vật cần dùng mà vẫn không nhận. Nếu thấy không nhận mà dấy khởi phiền não cho họ, thì tuy là đồ vật không cần dùng mà vẫn cố ý nhận.

Quán sát Bồ-đặc-già-la, nghĩa là A-la-hán ấy bởi vì khát thực cho nên phải đi vào thành ấp-ngõ xóm và nhà người khác, quán sát trai gái-già trẻ trong này, đừng có ai bởi vì mình mà dấy khởi các phiền não. Nếu biết là họ không dấy khởi thì đi vào khát thực. Nếu biết là họ dấy khởi, thì tuy là rất đói mà vẫn không đi vào. Không có sự việc như vậy để phân biệt, cho nên giả sử tất cả hữu tình, bởi vì thấy mình mà khởi lên phiền não, thì mình sẽ đi đến một nơi không có hữu tình, đoạn tuyệt ăn uống mà chết, chứ hoàn toàn không làm cho người khác bởi vì mình mà khởi lên phiền não.

A-la-hán ấy tu tập thực hành năm loại pháp hành như vậy, thì có thể ngăn chặn phiền não trong sự nối tiếp nhau của người khác, khiến cho không hiện rõ trước mắt.

Hỏi: Vì sao A-la-hán đã đạt được giải thoát, mà tu về pháp này để tự trói buộc mình?

Đáp: A-la-hán ấy trước đây là chủng tánh Bồ-tát, không đành lòng để hữu tình tạo ra điều ác chuốc lấy khổ đau, bởi vì cứu giúp họ cho nên luôn luôn dấy lên nghĩ rằng: Mình từ vô thủy đến nay cùng với các hữu tình khởi lên ràng buộc với nhau, xoay vòng trong năm nẻo nhận chịu những khổ đau khốc liệt, mình may mắn được thoát khỏi thì

phải cứu giúp cho họ.

Lại dấy lên nghĩ rằng: Mình từ vô thủy đến nay, có lúc làm những thân ca nhi-vũ nữ, có lúc làm thân dâm nữ hèn hạ xấu xa..., trăm ngàn chúng sinh do mình mà khởi lên phiền não, còn bởi vì điều này mà nhận chịu đau khổ trong dòng sinh tử dằng dặc, huống gì bây giờ mình lìa tham-sân-si làm ruộng phước cho thế gian, họ khởi lên phiền não với mình mà không chuốc lấy khổ đau hay sao, vì vậy bây giờ mình không nên trở lại làm nhân duyên của phiền não! Do đó A-la-hán tùy tự mình giải thoát mà vì hữu tình cho nên khởi lên thực hành về hạnh Vô tranh.

Hỏi: Đó là ngăn chặn phiền não thuộc tự tướng của người khác, hay là cộng tướng?

Đáp: Chỉ riêng tự tướng có thể ngăn chặn, không phải là cộng tướng. Nguyên cơ thể nào? Bởi vì phiền não thuộc cộng tướng, tùy theo sự thích hợp của nó, cùng một lúc duyên chung với một cõi-một địa-một xứ-một loại, một thân đã đạt được, chấp Ngã-ngã sở, hoặc là chấp Đoạn-Thường, hoặc gạt bỏ cho là không có, hoặc là chấp bậc nhất, hoặc là chấp có thể thanh tịnh, hoặc là khởi lên do dự, Vô minh không hiểu biết, tất cả hữu tình luôn luôn tùy ý khởi lên, không có thể ngăn chặn được. Vì thế cho nên chỉ ngăn chặn phiền não thuộc tự tướng.

Hỏi: Tự tánh của hạnh Vô tranh như thế nào, là Định hay là Tuệ? Giả sử như vậy thì có gì sai? Nếu là Định thì văn này nên hiểu thế nào? Như nói: “Khéo thông hiểu thời gian bên ngoài thì gọi là hạnh Vô tranh, khéo thông hiểu là Tuệ.” Nếu là Tuệ thì văn khác nói nên hiểu thế nào? Như nói: “Cần phải luyện tập về Tĩnh Định-Vô tranh.”

Đáp: Nên nói là Tuệ.

Hỏi: Nếu như vậy thì tại sao nói là cần phải luyện tập về Tĩnh Định-Vô tranh?

Đáp: Văn ấy nên nói là cần phải luyện tập về Tĩnh Tuệ-Vô tranh, mà nói là cần phải luyện tập về Tĩnh Định-Vô tranh, bởi vì muốn hiển bày đi cùng với Định cho nên gọi là Định, mà thật sự là Tuệ. Đó gọi là tự tánh của Vô tranh. Như tự tánh, Ngã-vật.. cũng như vậy.

Đã nói về tự tánh, nay sẽ nói đến nguyên cơ.

Hỏi: Vì sao gọi là hạnh Vô tranh?

Đáp: Bởi vì hạnh này có thể đối trị với phiền não tranh chấp của người khác, cho nên gọi là hạnh Vô tranh. Nhưng tranh chấp (tranh) có ba loại:

1. Tranh chấp thuộc phiền não.
2. Tranh chấp thuộc uẩn.
3. Tranh chấp đấu đá.

Tranh chấp thuộc phiền não, đó là một trăm lẻ tám phiền não. Tranh chấp thuộc uẩn, đó là cái chết. Tranh chấp đấu đá, đó là các hữu tình xúc phạm nhục mạ lẫn nhau, lời nói chống đối lẫn nhau. Nên biết trong này nói đến tranh chấp thuộc phiền não, bởi vì ngăn chặn hữu tình khởi lên phiền não.

Lại có người nói: Bởi vì hạnh này có thể làm cho mình và người không có tranh chấp, cho nên gọi là hạnh Vô tranh, tức là nghĩa của khéo tu về hạnh Vô ngã. Vì thế cho nên Tôn giả Thiệm Hiện đã từng ở lúc sẩm tối, đến một ngôi chùa gõ cửa mà đứng đợi, Tỳ kheo bên trong cửa hỏi rằng là ai? Tôn giả Thiệm Hiện bởi vì trú trong Vô tranh trải qua thời gian dài tu về hạnh Vô ngã thuần thực, cho nên im lặng không có thể trả lời rằng tôi là Thiệm Hiện. Hồi lâu mới nói: Đây là do thế gian tạm thời đặt ra tên gọi là Thiệm Hiện. Vả lại, Tôn giả ấy đã từng đi đường gặp phải trời mưa, đến tránh mưa bên cổng nhà của một ngoại đạo, ngoại đạo ấy hỏi rằng: Nhân giả tên gọi như thế nào? Tôn giả Thiệm Hiện bởi vì trú trong Vô tranh trải qua thời gian dài tu về hạnh Vô ngã thuần thực, cho nên im lặng không có thể trả lời rằng tôi là Thiệm Hiện. Đã hỏi nhiều lần, mới từ từ trả lời rằng: Đây là do thế gian tạm thời đặt ra tên gọi là Thiệm Hiện. Cho nên biết rằng khéo tu về hạnh Vô ngã, làm cho mình và người không có tranh chấp, cho nên gọi là hạnh Vô tranh.

Có người nói: Các Sư Du-già bởi vì trú trong hạnh này mà ở trong cảnh có đủ yêu quý-không yêu quý, thích hợp-không thích hợp, vừa ý-không vừa ý, có lợi-không có lợi, khổ hay vui, thấy đều không có tranh chấp, cho nên gọi là hạnh Vô tranh.

Lại nữa, Vô tranh: Nói về Cõi, là rơi vào cõi Sắc. Có người nói: Rơi vào cõi Dục-Sắc.

Nói như vậy thì cách nói thứ nhất là hợp lý.

Nói về Địa, là thuộc về địa Tĩnh lự thứ tư. Có người nói: Thuộc về năm địa, đó là bốn Tĩnh lự và cõi Dục.

Nói như vậy thì cách nói thứ nhất là hợp lý.

Nói về Sở y, là dựa vào thân của cõi Dục.

Nói về Hành tướng, là hành tướng không rõ ràng.

Nói về Sở duyên, là duyên với cõi Dục, ở trong cõi Dục chỉ duyên với phiền não. Có người nói: Duyên chung với năm uẩn của cõi Dục.

Nói như vậy thì cách nói thứ nhất là hợp lý.

Nói về Niệm trú, là Pháp niệm trú. Có người nói: Bao gồm bốn Niệm trú.

Nói như vậy thì Pháp niệm trú là hợp lý.

Nói về Trí, là Thế tục trí.

Nói về Tam-ma-địa đi cùng, không phải là đi cùng với Tam-ma-địa.

Nói về Căn tương ứng, là tương ứng với Xả căn.

Nói về Thời gian(thế), là rơi vào ba thời gian; duyên với vị lai.

Nói về thiện-bất thiện-vô ký, là thiện; duyên với bất thiện. Có người nói: Duyên chung với bất thiện-vô ký mà phần nhiều duyên với bất thiện.

Nói về hệ thuộc ba cõi-không hệ thuộc, là hệ thuộc cõi Sắc; duyên với hệ thuộc cõi Dục.

Nói về Học-Vô học-Phi học phi vô học, là Phi học phi vô học; duyên với Phi học phi vô học.

Nói về do Kiến mà đoạn-do Tu mà đoạn và không đoạn, là do Tu mà đoạn; duyên với do Tu mà đoạn. Có người nói: Duyên chung với do Kiến-Tu mà đoạn, nhưng phần nhiều duyên với do Tu mà đoạn.

Nói về duyên với danh-duyên với nghĩa, thì chỉ duyên với nghĩa.

Nói về duyên với Tự tương tục-Tha tương tục và Phi tương tục, chỉ duyên với Tha tương tục. Có người nói: Duyên chung với Tự-Tha tương tục, nhưng phần nhiều duyên với Tha tương tục.

Khởi lên ở nơi nào? Nên nói là khởi lên ở cõi Dục chứ không phải là cõi Sắc-Vô sắc. Trong cõi Dục thì chỉ có loài người, chứ không phải là loài khác. Trong loài người thì chỉ có ba châu, chứ không phải là châu Bắc Câu-lô. Trong ba châu thì người nam-người nữ đều có thể khởi lên.

Tôn giả Chúng Thế nói rằng: “Chỉ có châu Thiệm Bộ, chỉ có người nam có thể khởi lên.”

Nói như vậy thì cách nói thứ nhất là hợp lý.

Những Bồ-đặc-già-la nào khởi lên? Là Thánh giả chứ không phải là dị sinh, chỉ có Vô học chứ không phải là Hữu học. Trong Vô học chỉ có Bất thời giải thoát chứ không phải là Thời giải thoát. Nguyên cơ thế nào? Bởi vì cần phải đạt được Định tự tại, và trong sự nối tiếp nhau không bị phiền não níu giữ, thì mới có thể khởi lên.

Hỏi: Đức Phật-Độc giác-Thanh văn đến cứu cánh, cũng trú trong hạnh Vô tranh hay không? Giả sử như vậy thì có gì sai? Nếu các bậc ấy

cũng trú trong hạnh Vô tranh, thì hạnh Vô tranh có thể ngăn chặn phiền não trong sự nối tiếp nhau của người khác, vì sao vẫn còn có trăm ngàn chúng sinh duyên vào các bậc ấy mà khởi lên phiền não? Nếu các bậc ấy không trú trong hạnh Vô tranh, thì trong kinh nói nên hiểu thế nào? Như nói: “Tôn giả Thiện Hiện là bậc nhất trú trong hạnh Vô tranh.” Vị ấy căn tánh yếu kém mà hãy còn trú trong hạnh Vô tranh, Đức Phật-Độc giác-Thanh văn đến cứu cánh là căn tánh thù thắng, mà các bậc ấy vì sao không có thể trú trong hạnh Vô tranh?

Đáp: Nên nói là Đức Phật-Độc giác-Thanh văn đến cứu cánh, cũng trú trong hạnh Vô tranh.

Hỏi: Nếu như vậy thì vì sao vẫn còn có trăm ngàn chúng sinh duyên vào các bậc ấy mà khởi lên phiền não?

Đáp: Đức Phật và Thanh văn đến cứu cánh, đều là thuyết pháp giáo hóa người khác, đều đạt được Nguyên trí, quán sát hữu tình thì bây giờ mình có thể làm cho họ không khởi lên phiền não đối với mình mà gieo trồng căn thiện hay không? Nếu biết là có thể thì đến giáo hóa họ. Nếu biết là họ không thể nào không khởi lên phiền não, nhưng có thể khiến cho họ gieo trồng căn thiện, thì liền nghĩ rằng thà họ khởi lên phiền não, cũng cần phải làm cho họ gieo trồng căn thiện. Nguyên cơ thế nào? Bởi vì nếu họ có thể khởi lên căn thiện thù thắng chỉ bằng mảy lông, thì có thể hủy diệt các ác hạnh-phiền não như núi cao. Nếu biết cả hai đều không có thể thì phương tiện mà tránh đi, hơn hẳn gấp trăm ngàn lần so với Thiện Hiện.

Có người nói: Đức Phật-Độc giác-Thanh văn đến cứu cánh, không trú trong hạnh Vô tranh.

Hỏi: Vì sao Thiện Hiện có thể trú trong hạnh Vô tranh, Đức Phật và Thanh văn đến cứu cánh là căn tánh thù thắng, mà không có thể trú trong hạnh Vô tranh?

Đáp: Tôn giả Thiện Hiện yêu thích tôn trọng luôn luôn tu tập ở trong hạnh Vô tranh, Đức Phật... thì không như vậy, bởi vì không phải là đối với hạnh Vô tranh khởi lên ý tưởng vô cùng tôn trọng, nhưng không phải là không có thể trú trong hạnh ấy.

Nói như vậy thì Đức Phật... cũng trú trong hạnh Vô tranh, nhưng không trú nhiều bởi vì giáo hóa hữu tình. Nguyên cơ thế nào? Bởi vì căn tánh của các hữu tình được giáo hóa không như nhau, có loại nên khuyên nủ, có loại nên quở trách, có loại nên khen ngợi, sau đó tiến vào giáo pháp, tuy họ ở các phần vị quở trách... có lúc khởi lên tham-sân-mạn, nhưng chắc chắn nhờ vào đây mà gieo trồng các căn thiện. Vì

thế cho nên Như Lai và Xá-lợi-tử..., tuy có thể luôn luôn trú trong hạnh Vô tranh, mà bởi vì giáo hóa hữu tình, cho nên không trú nhiều trong hạnh ấy.

Hỏi: Vô tranh là gia hạnh đạt được, hay là lìa nhiễm đạt được?

Đáp: Có lúc là gia hạnh đạt được, có lúc là lìa nhiễm đạt được.

Trong này, có người nói: Đức Phật lìa nhiễm đạt được, bởi vì đạt được lúc Tận trí hiện khởi; Thanh văn-Độc giác do gia hạnh mà đạt được, bởi vì gia hạnh cho nên hiện rõ ở trước mắt.

Có người nói: Đức Phật và Độc giác đều lìa nhiễm đạt được, bởi vì đạt được lúc Tận trí hiện khởi; Thanh văn do gia hạnh mà đạt được, bởi vì gia hạnh cho nên hiện rõ ở trước mắt.

Có người nói: Đức Phật-Độc giác và Thanh văn đến cứu cánh đều lìa nhiễm đạt được, bởi vì đạt được lúc Tận trí hiện khởi; Thanh văn khác do gia hạnh mà đạt được, bởi vì gia hạnh mà hiện rõ ở trước mắt.

Nói như vậy là nếu quyết định có thể đạt được thì đó là lìa nhiễm đạt được, bởi vì đạt được lúc Tận trí hiện khởi, sau khi thực hiện gia hạnh mới hiện rõ ở trước mắt. Đức Phật không do gia hạnh, Độc giác do gia hạnh bậc Hạ, Thanh văn do gia hạnh bậc Trung hoặc là bậc Thượng.

Nhưng có lúc Vô tranh do gia hạnh của Định Biên tế mà đạt được, bởi vì gia hạnh mà hiện rõ ở trước mắt.

Hỏi: Vô tranh này gia hạnh như thế nào?

Đáp: Dùng tất cả các địa và Định Biên tế làm gia hạnh, nói rộng ra như trong phần Nguyên trí.

Như trong kinh nói: “Tỳ kheo Thiện Hiện tu hạnh Vô tranh, chứng pháp tùy theo pháp.”

Hỏi: Vô tranh không có thể đoạn các phiền não, vì sao Đức Thế Tôn đưa ra cách nói như vậy?

Đáp: Tôn giả ấy từ xưa đến nay yêu thích tu tập đối với hạnh Vô tranh, nhờ vào hạnh này lần lượt chuyển đổi có thể khởi lên Thánh đạo, đoạn các phiền não, thành bậc A-la-hán, từ đây có thể khởi lên Vô tranh hiện rõ trước mắt. Dựa vào ý sâu kín này cho nên đưa ra cách nói này, không phải là nói Vô tranh có thể đoạn phiền não. Sự việc ấy như thế nào? Từng nghe Tôn giả xưa kia nhờ vào hai duyên phát khởi Chánh nguyện ở trong Vô tranh:

1. Nhờ vào thấy.

2. Nhờ vào nghe.

Nhờ vào thấy, đó là ở xưa kia thấy đệ tử của Đức Phật do trú trong

Vô tranh, cứ mỗi khi đến thành ấp-đường đi-phố chợ, mong sao bảo vệ hữu tình khiến cho không khởi lên phiền não.

Nhờ vào nghe, đó là ở xưa kia nghe đệ tử của Đức Phật do trú trong Vô tranh, còn lại nói như trước. Đã thấy-nghe rồi khởi lên sự nhớ nghĩ đúng đắn, tùy theo mà tu tập bố thí-trì giới-đa văn-tinh cần-Phạm hạnh, tất cả đều dùng để hồi hướng cho Vô tranh: Nguyện cho con ở đời vị lai làm đệ tử của Đức Phật luôn luôn trú trong Vô tranh, mong sao bảo vệ hữu tình như điều đã thấy-nghe về các đệ tử của Đức Phật. Nhờ vào nguyện lực ấy cảm được Chúng đồng phần, ở trong giáo pháp của Đức Phật Thích-ca Mâu-ni, làm đệ tử bậc nhất trú vào hạnh Vô tranh, bởi vì Vô tranh cho nên rất nhanh chóng chứng được quả A-la-hán. Bởi vì Vô tranh chắc chắn dựa vào thân Vô học. Dựa vào ý sâu kín này, cho nên trong kinh nói rằng: “Tu hạnh Vô tranh, chứng pháp tùy theo pháp.”

Hỏi: Vô tranh thực hiện công hạnh gì?

Đáp: Thực hiện công hạnh vắng lặng, bởi vì làm vắng lặng các phiền não của người khác.

Như nói: “Trong đệ tử của Ta thì Nhân Nho Đồng là thông tuệ (hiệp tuệ) bậc nhất...”

Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Bởi vì muốn phân biệt nghĩa lý trong kinh. Như trong kinh nói: “Đức Thế Tôn ghi nhận và nói năm trăm đệ tử, tất cả tùy theo năng lực vốn có bậc nhất song song.” Nay Luận sư của bản luận này, bởi vì muốn hiển bày về sai biệt ở trong bậc nhất song song tương tự, mà soạn ra phần luận này.

Hỏi: Vì sao Đức Thế Tôn ghi nhận và nói các đệ tử là song song bậc nhất?

Đáp: Tôn giả Thế Hữu nói rằng: “Đức Thế Tôn muốn hiển bày trong cách nói pháp khéo léo thì Thầy và đệ tử tài đức hài hòa không có tranh chấp, không giấu kín công đức chân thật của nhau; không phải là như ngoại đạo vì danh lợi cho nên lòng dạ chứa đầy ganh ghét, đệ tử và Thầy nói xấu lẫn nhau.

Lại nữa, Đức Thế Tôn muốn hiển bày trong cách nói pháp khéo léo thì đệ tử còn có công đức chân thật đáng khen ngợi-đáng ghi nhận, huống là đối với Thầy hay sao? Trong cách nói pháp xấu ác thì Thầy hãy còn không có công đức chân thật có thể ghi nhận, huống gì là đệ tử hay sao?

Lại nữa, muốn hiển bày trong cách nói pháp khéo léo thì keo kiệt



bản thủ vĩnh viễn đoạn bỏ, Thầy và đệ tử ca ngợi nêu cao công đức chân thật của nhau; không phải là như ngoại đạo bởi vì có keo kiệt bản thủ, cho nên Thầy đối với đệ tử, đệ tử đối với Thầy, hãy còn không muốn nghe người khác ca ngợi, huống gì là tự mình nói ra hay sao?

Lại nữa, Đức Thế Tôn hiển bày về những sự việc mà mình cần làm đều đã hoàn thành, bởi vì buông bỏ gánh nặng dạy dỗ truyền trao cho nên tự nhiên mà yên ổn.

Lại nữa, muốn hiển bày về Tỳ kheo bởi vì tu gia hạnh đúng đắn, cho nên có nơi trở về chứ không phải là xa xăm mù mịt.

Lại nữa, Đức Thế Tôn muốn làm cho ở trong công đức đã khen ngợi, tùy theo sự yêu thích ấy mà an trú nhiều, bởi vì sinh tâm cung kính tôn trọng, cho nên ý mong muốn được đầy đủ.

Lại nữa, Đức Phật vì khuyến khích hàng Tỳ kheo mới học, khiến cho sinh lòng mong mỏi ưa thích mà chịu khó tu tập.”

Đại đức nói rằng: “Do hai nhân duyên cho nên Đức Thế Tôn ghi nhận và nói đến công đức của đệ tử:

1. Hiển bày niềm vui trú trong pháp hiện tại của mình.
2. Thương xót hữu tình ở đời sau.

Lại nữa, Đức Thế Tôn tự mình hiển bày ở trong chín mươi sáu chúng của các ngoại đạo, thì chúng của mình là hơn hẳn.

Lại nữa, Đức Thế Tôn muốn hiển bày Đức Phật xuất hiện ở thế gian có lợi ích to lớn, đó là lúc Đức Phật xuất thế, mới có những cặp Bồ-tát bậc nhất như vậy xuất hiện, chứ không phải là lúc không có Phật.

Lại nữa, Đức Thế Tôn muốn khiến cho ở trong các phần công đức sai biệt, bởi vì ưa thích từng loại riêng biệt, hoan hỷ chịu khó tu tập rời bỏ những sự lười nhác, cho nên mau chóng chứng được những công đức.

Lại nữa, Đức Thế Tôn muốn dùng sự đạt được của đệ tử, để chứng minh cho những điều đã nói là chân thật.

Lại nữa, muốn ngăn chặn sự phỉ báng là trong cách nói pháp khéo léo, không có pháp hiện chứng của bậc Thượng nhân.

Lại nữa, Đức Thế Tôn muốn ngăn chặn những người nhìn thấy hình dung tiêu tụy của các Tỳ kheo mà sinh lòng khinh mạn, hiển bày những vị này đều có công đức thù thắng.”

Các Luận sư A-tỳ-đạt-ma nói: “Bởi vì thuận theo pháp của chư Phật. Nghĩa là pháp của hàng hà sa số Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác xuất hiện giữa thế gian, đều ghi nhận trong chúng đệ tử vốn có nhiều cặp công đức bậc nhất, Đức Phật hiện tại cũng như vậy.

Lại nữa, muốn khiến cho người thế gian yêu thích các công đức riêng biệt, nghe mà sinh tâm hoan hỷ, bởi vì đối với Chánh pháp của Đức Phật, khởi tâm tôn trọng gieo trồng các căn thiện, cho nên đạt được lợi ích to lớn.

Lại nữa, bởi vì muốn trang nghiêm cho đồ chúng của chư Phật vị lai. Nghĩa là Đức Phật ghi nhận cho các đệ tử rồi, vô lượng hữu tình hoặc là thấy-hoặc là nghe, đều sinh tâm hoan hỷ phát khởi Chánh nguyện, thuận theo pháp bố thí-trì giới-đà vãn-chánh cần-Phạm hạnh đã tu tập, đều đem hồi hướng cho công đức bậc nhất: Nguyện cho con ở đời vị lai, được tham dự vào số các bậc Chánh sĩ như vậy trong giáo pháp của Đức Phật, để làm đồ chúng trang nghiêm của Đức Phật ấy.

Lại nữa, bởi vì muốn làm cho đệ tử đã được ghi nhận, tự mừng cho nguyện của mình được đầy đủ. Nghĩa là năm trăm Tỷ kheo như Nhân Nho Đồng..., đã từng ở nơi năm trăm Đức Phật quá khứ, hoặc là thấy-hoặc là nghe Đức Phật ấy ghi nhận về công đức của đệ tử, hoan hỷ phát nguyện: Tùy theo pháp bố thí-trì giới-đà vãn-chánh cần-Phạm hạnh mà con vốn có, nguyện được tham dự vào số Đại đệ tử như vậy, ở trong Chánh pháp của Đức Phật đời vị lai. Nay nguyện đã được đầy đủ, lại nghe Đức Phật ghi nhận, cho nên hoan hỷ vô cùng, tự mừng cho mình hết sức may mắn.”

Có người nói như vậy: Chúng Đại đệ tử của mỗi một Như Lai, đều ở nơi năm trăm Đức Phật quá khứ, phát Đại thế nguyện trang nghiêm mới được thành tựu.

Bởi vì các loại nhân duyên như vậy, cho nên Đức Phật ghi nhận cho đệ tử song song bậc nhất.

Như nói: “Trong đệ tử của Ta thì Nhân Nho Đồng là thông tuệ (hiệp tuệ) bậc nhất, như Bà-tư-ca... là nhanh nhẹn (mẫn tiệp) bậc nhất.”

Hỏi: Hai vị này có gì sai biệt?

Đáp: Tôn giả Nhân Nho Đồng thì tâm thẳng thắn-tâm không cong-tâm chất phác tăng thượng, như Tôn giả Bà-tư-ca... thì tâm thâm nhuần-tâm mềm mỏng-tâm hòa thuận tăng thượng, vì vậy đều gọi là bậc nhất.

Trong này, thông tuệ tức là nhanh nhẹn, nhanh nhẹn tức là thông tuệ, mà Đức Phật đều gọi là bậc nhất, cho nên cần phải hỏi về tướng khác nhau của điều ấy.

Tôn giả Nhân Nho Đồng thì tâm thẳng thắn-tâm không cong-tâm chất phác tăng thượng; Tâm thẳng thắn-tâm không cong-tâm chất phác,

thì tên gọi khác nhau mà nghĩa chỉ một, như thứ tự ấy lấy loại sau để giải thích loại trước. Hoặc tâm thẳng thắn là câu chung, tâm không cong là câu riêng hiển bày về tâm không có nịnh hót, tâm chất phác là câu riêng hiển bày về tâm không có dối gạt. Như con ngựa thông minh khéo nhận biết ý của người, tuy có lúc giạt mình va chạm mà không tổn hại đến người; Tôn giả Nhân Nho Đồng cũng lại như vậy, bởi vì thông tuệ cho nên khéo nhận biết ý của Đức Phật, vào lúc vặn hỏi cứ thuận theo thẳng thắn trả lời.

Sự việc ấy như thế nào? Như trong kinh nói: “Lúc vị ấy còn tại gia, tiên của châu báu dồi dào, thân thuộc cao quý sang trọng, luôn luôn thờ thần Mặt trời. Vị ấy vào tuổi trưởng thành, lúc sắp lấy vợ, mời nhiều chúng Bà-la-môn ngoại đạo, ở trong nhà mình thiết lễ cúng tế rầm rộ. Đức Phật đối với sự hóa độ không bao giờ để lỡ thời cơ, sáng sớm hôm ấy bởi vì hóa độ vị ấy cho nên khoác y-ôm bát bảo với A-nan-đà: Ông hãy theo Ta đi vào thành khất thực! Nói rồi liền đi vào thành Thất-la-phiệt, đến cổng nhà của Nhân Nho Đồng mà đứng lại. Phạm Chí ngoại đạo từ xa trông thấy mừng rỡ: Hôm nay ở nhà này thiết hội tốt lành (cát tường), vật này không tốt lành vì sao lại đến đây?

Đức Phật nghe rồi liền bảo với A-nan-đà: Ông đến nói với các hàng ngoại kia, bậc Đại Sư là điều tốt lành nhất trong ba cõi, các ông không muốn thấy sự việc tốt lành thì lẽ nào thành tựu, Nhân Nho Đồng này nhất định vào hôm nay rời bỏ các ông mà xuất gia theo Ta, tất cả phép thuật của các ông có thể làm cho trở ngại hay không?

Lúc ấy A-nan-đà vâng theo lời dạy của Đức Phật, như Sư tử chúa không hề sợ hãi khó khăn, đi đến giữa chúng ngoại đạo như bầy hươu, nói cho biết rằng: Như Lai khéo thông hiểu về nhân quả, mà nói lời chân thành chính xác với các ông rằng: Bậc Đại Sư là điều tốt lành nhất trong ba cõi, các ông không muốn thấy sự việc tốt lành thì lẽ nào thành tựu, Nhân Nho Đồng này nhất định vào hôm nay rời bỏ các ông mà xuất gia theo Ta, tất cả phép thuật của các ông có thể làm cho trở ngại hay không?

Ngoại đạo nghe rồi nhìn nhau cười mà nói rằng: Sa-môn Kiều-đáp-ma tùy theo ý mình nói lời lừa dối, đâu có ai sắp đến lúc cầu thỉnh chúng ta cúng tế, bà con nội ngoại tụ tập chúc mừng, mà đi theo ông ta xuất gia hay sao, kỳ lạ thay Sa môn nói dối như vậy?

Lúc ấy có ngoại đạo tên là Ngũ Đảnh, đã từng thấy Đức Thế Tôn ghi nhận sự việc không sai lạc, liền nói với chúng ngoại đạo rằng: Nhân Nho Đồng này nhất định sẽ xuất gia, không sinh khởi ý nghĩ nào khác.

Ngoại đạo đều nói: Giả sử có điều này thì chúng tôi nhất định có thể làm cho trở ngại. Liên cùng nhau ngay lập tức vỗ tay, đi quanh nhà của Nhân Nho Đồng bảy lớp mà đứng lại.

Chốc lát mặt trời mọc lên, Nhân Nho Đồng này mặc áo mới sạch sẽ, đến trên lầu cao thắp hương phát nguyện, quỳ lạy mặt trời.

Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn biết thời cơ hóa độ đã đến, liền tự hóa làm hình tướng Bà-la-môn, khoác tấm da hươu đen, dây vàng đeo trên thân thể, tay cầm gậy vàng, từ phía mặt trời đi đến trước mặt Nhân Nho Đồng, trái chõng ngồi mà ngồi, Nhân Nho Đồng cúi đầu cung kính chân thành lễ lạy.

Ngoại đạo vui mừng nói: Nhân Nho Đồng là người phước thiện, cảm đến Đại Phạm Thiên đích thân đến dự lễ tiệc, sự việc nay đã thành tựu, vui sướng thay lời Sa-môn đã nói không có thật!

Lúc ấy Đức Phật liền dùng hình tướng đã hóa hiện nói với Nhân Nho Đồng rằng: Nay làm điều gì mà ồn ào náo loạn như vậy? Nhân Nho Đồng xấu hổ ngượng ngùng cúi đầu trả lời rằng: Hôm nay thuận theo pháp phạm tục, chính là sắp lấy vợ. Đức Phật hỏi đã tiêu tốn bao nhiêu?

Trả lời rằng: Con tiêu tốn ba trăm ngàn tiền vàng. Lại hỏi đã dùng vào việc gì? Trả lời rằng: Một trăm ngàn đưa cho vợ để mua đồ vật trang điểm, một trăm ngàn lo liệu các thức ăn uống cho mọi người, một trăm ngàn dùng để cúng dường các vị Bà-la-môn.

Đức Phật nói: Ông lo liệu đồ ăn thức uống-cúng dường Bà-la-môn mà sử dụng hai trăm ngàn, sẽ đạt được quả yêu thích thì sự việc có lẽ thích hợp như vậy, còn lại một trăm ngàn là dùng để mua vợ chăng? Bởi vì tâm người ấy thẳng thắn cho nên liền trả lời rằng: Dạ, dùng để mua vợ. Đức Phật nói: Vợ ông giá trị bấy nhiêu chăng? Vả lại, tóc của vợ ông là giá trị bao nhiêu? Nhân Nho Đồng trả lời rằng: Vật này không có nhiều giá trị, nếu các ca nhi-vũ nữ-dâm nữ đặt mua thì giá trị khoảng một Ca-yết-ni, hoặc là chỉ có giá trị một nửa. Lại hỏi móng tay-chân của vợ ông là giá trị bao nhiêu? Nhân Nho Đồng trả lời rằng: Vật này không hề có giá trị. Đức Phật lại lần lượt đưa ra ba mươi sáu vật trong thân người ấy, hỏi theo từng loại một; Nhân Nho Đồng cũng theo từng loại một mà trả lời, đều nói vật này không hề có giá trị.

Nhưng Nhân Nho Đồng đã từng ở trong giáo pháp của Phật Ca-diếp-ba thời quá khứ, trải qua mười ngàn năm tu quán phương tiện về thân nam, bởi vì Đức Phật hỏi riêng biệt về vật bất tịnh, cho nên phẩm thiện đã luyện tập ở quá khứ hiện rõ trước mắt, liền điều phục được Dục

---

tham, lia nhiệm của cõi Dục.

Đức Thế Tôn ngay sau đó trở lại hình tướng của mình, nói về bốn Chân đế cho Nhân Nho Đồng nghe, Nhân Nho Đồng nghe liền chứng được quả Bất hoàn. Lúc ấy Đức Phật liền nắm tay Nhân Nho Đồng bay vút lên giữa hư không, nói bài tụng rằng:

*“Tuy rất trang nghiêm mà thực hành theo pháp, Lặng yên hít thở  
cốt phải tu Phạm hạnh,  
Tất cả ràng buộc của thế gian đều bỏ,  
Chính là Phạm Chí, Sa-môn Tăng thanh tịnh.”*

Vì vậy cho nên biết tâm của vị ấy chất phác thẳng thắn. Nếu không như vậy thì lúc người biến hóa hỏi, vị ấy sẽ trả lời rằng: Ông là Phạm Chí, đâu cần phải biết về việc tôi lấy vợ, là phép tắc lấy vợ như vậy, tại sao gọi là mua vợ? Bởi vì chất phác thẳng thắn, cho nên thuận theo câu hỏi mà trả lời, phẩm thiện thành thực đạt được quả. Vì thế cho nên Đức Thế Tôn khen ngợi Nhân Nho Đồng là thông tuệ bậc nhất.

